

Phát triển kinh tế bền vững vùng dân tộc thiểu số: những cơ hội và thách thức

04/08/2025

TS. Vũ Thị Thanh Minh
Trường Đại học Thành Đô
NCS. ThS. Trần Chí Vỹ
Sở Dân tộc và Tôn giáo, TP. Hồ Chí Minh

(Quanlynhanuoc.vn) – Phát triển kinh tế bền vững ở vùng dân tộc thiểu số luôn là một trong những mục tiêu chiến lược trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước. Vùng dân tộc thiểu số là khu vực có vai trò quan trọng trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; đồng thời, là nơi sở hữu tiềm năng phong phú về tài nguyên thiên nhiên, tri thức bản địa và các giá trị văn hóa truyền thống. Tuy nhiên, đây cũng là khu vực còn nhiều khó khăn, có khoảng cách phát triển đáng kể so với mặt bằng chung của cả nước. Bài viết tập trung phân tích thực trạng, cơ hội và thách thức trong phát triển kinh tế bền vững tại vùng dân tộc thiểu số. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp phù hợp, góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện, bền vững ở khu vực này.

Từ khóa: Phát triển kinh tế bền vững, vùng dân tộc thiểu số, cơ hội và thách thức, chủ quyền lãnh thổ, bảo tồn văn hóa.

1. Đặt vấn đề

Vùng dân tộc thiểu số là khu vực có vai trò đặc biệt quan trọng trong sự phát triển bền vững của quốc gia. Việc phát triển kinh tế bền vững tại vùng dân tộc thiểu số không chỉ nhằm nâng cao mức sống và xóa đói, giảm nghèo cho đồng bào mà còn đòi hỏi phải bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế, bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống và bảo vệ môi trường tự nhiên. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu và áp lực phát triển kinh tế ngày càng tăng, vùng dân tộc thiểu số đối mặt với nhiều cơ hội và thách thức phức tạp, đòi hỏi sự cân nhắc kỹ lưỡng để đạt được mục tiêu phát triển bền vững. Xuất phát từ thực tế trên, bài viết tập trung phân tích thực trạng phát triển kinh tế ở vùng dân tộc thiểu số. Qua đó, làm rõ những cơ hội có thể khai thác và các thách thức cần vượt qua nhằm thúc đẩy phát triển bền vững tại những vùng đất giàu bản sắc nhưng còn nhiều khó khăn này

2. Thực trạng phát triển kinh tế bền vững vùng dân tộc thiểu số hiện nay

2.1. Thực trạng chung từ năm 2022 đến nay

Trong những năm gần đây, công cuộc phát triển kinh tế – xã hội ở vùng đồng dân tộc thiểu số và miền núi đã đạt được những thành tựu nổi bật, thể hiện rõ nỗ lực nhất quán và hiệu quả của Đảng, Nhà nước trong việc ưu tiên đầu tư cho khu vực còn nhiều khó khăn này. Tính đến tháng 12/2024, hạ tầng cơ sở đã có bước tiến đáng kể: 98,4% số xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã có đường ô tô đến trung tâm xã, góp phần rút ngắn khoảng cách địa lý, tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hóa, dịch vụ công và kết nối liên vùng. Cùng với đó,

96,7% hộ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng điện lưới quốc gia – một chỉ dấu rõ nét cho thấy quá trình tiếp cận các dịch vụ thiết yếu đang ngày càng toàn diện và bền vững¹.

Lĩnh vực giáo dục và y tế cũng ghi nhận những kết quả rất ấn tượng. Hiện nay, 100% xã vùng dân tộc thiểu số có trường học ở cả ba cấp mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, đảm bảo quyền tiếp cận giáo dục cho trẻ em dân tộc thiểu số từ sớm và góp phần thu hẹp khoảng cách chất lượng giáo dục giữa các vùng miền. Trong lĩnh vực y tế, 99,3% xã có trạm y tế, trong đó 83,5% đạt chuẩn quốc gia và 69,1% có bác sĩ trực tiếp khám, chữa bệnh – điều này cho thấy mức độ đầu tư và cải thiện đáng kể về chăm sóc sức khỏe cơ bản cho người dân ở những vùng khó khăn nhất².

Ngoài ra, hạ tầng thông tin và truyền thông tiếp tục mở rộng, với hơn 90% số xã vùng dân tộc thiểu số được phủ sóng phát thanh, truyền hình và 100% xã có kết nối viễn thông và dịch vụ di động. Điều này không chỉ nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của người dân mà còn tạo điều kiện cho phát triển kinh tế số và chính quyền điện tử ở vùng sâu, vùng xa. Đặc biệt, tỷ lệ giảm nghèo bình quân hằng năm của đồng bào dân tộc thiểu số đạt trên 3%, vượt mục tiêu đề ra. Đây là kết quả của sự phối hợp hiệu quả giữa chính sách đầu tư hạ tầng, phát triển sinh kế và thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia³.

Không chỉ dừng lại ở phát triển vật chất, các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số được bảo tồn và phát huy thông qua nhiều hoạt động thiết thực, góp phần nâng cao bản sắc dân tộc và gắn kết cộng đồng. Đồng thời, quốc phòng, an ninh vùng dân tộc thiểu số tiếp tục được củng cố, khối đại đoàn kết các dân tộc được tăng cường, tạo nên nền tảng vững chắc cho ổn định chính trị và phát triển bền vững. Nhìn tổng thể, những thành tựu này không chỉ phản ánh thành quả của các chính sách đúng đắn mà còn minh chứng cho sự chuyển mình mạnh mẽ, từng bước rút ngắn khoảng cách phát triển giữa vùng dân tộc thiểu số với mặt bằng chung cả nước.

Bên cạnh những thành tựu trên, hiện nay, vùng dân tộc thiểu số còn gặp những khó khăn, hạn chế sau:

Một là, chênh lệch kinh tế và nghèo đa chiều kéo dài dai dẳng. Mặc dù Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong xóa đói giảm nghèo, thể hiện qua việc giảm tỷ lệ nghèo quốc gia từ 16,8% năm 2010 xuống còn khoảng 5% năm 2020 (World Bank, 2022)⁴. Song kết quả này chưa thực sự phản ánh đầy đủ mức độ bất bình đẳng giữa các nhóm dân cư. Đồng bào dân tộc thiểu số dù chỉ chiếm 14,7% dân số cả nước, nhưng lại chiếm đến 90% số người nghèo cùng cực và hơn một nửa (51,2%) tổng số hộ nghèo đa chiều (UNDP, 2023)⁵. Thu nhập bình quân của hộ gia đình dân tộc thiểu số hiện chỉ bằng 40 – 50% so với mức trung bình quốc gia, không chỉ phản ánh khoảng cách về sự phát triển kinh tế, mà còn là biểu hiện cụ thể của chưa thật sự bình đẳng trong tiếp cận cơ hội phát triển cho vùng dân tộc thiểu số (UNDP, 2023)⁶.

Hai là, sinh kế của đồng bào dân tộc thiểu số đã phát triển, nhưng sự dịch chuyển sinh kế còn thiếu bền vững và dễ tổn thương. Theo World Bank (2022), chỉ khoảng 23% lao động dân tộc thiểu số rời bỏ lĩnh vực nông nghiệp để tham gia vào các ngành công nghiệp và dịch vụ. Tuy nhiên, phần lớn lực lượng này không được đào tạo nghề bài bản, chủ yếu làm việc trong khu vực phi chính thức, không có hợp đồng lao động và thu nhập trung bình chỉ đạt khoảng 1,1 triệu đồng/tháng, thấp hơn gần 4 lần so với mức bình quân cả nước (4,2 triệu đồng/tháng)⁷.

Điều này cho thấy sự dịch chuyển sinh kế hiện tại là bề nổi, thiếu chiều sâu và chưa tạo ra các thay đổi căn bản về năng lực sản xuất và thu nhập bền vững.

Ba là, hạn chế về nguồn “vốn con người”. Giáo dục là nhân tố cốt lõi cho phát triển dài hạn, nhưng hiện nay vẫn là một điểm còn nhiều khó khăn trong các cộng đồng dân tộc thiểu số. Hơn 30% học sinh dân tộc thiểu số không nhập học đúng độ tuổi, trong khi 21% người dân tộc thiểu số trên 15 tuổi không thể đọc viết thành thạo tiếng Kinh – rào cản lớn trong tiếp cận thông tin, thị trường lao động và dịch vụ công (UNDP, 2023)⁸. Những số liệu này phản ánh sự phân tầng trong khả năng tích lũy vốn con người và làm chậm quá trình thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nhóm dân cư. Điều này đặt ra vấn đề cần có sự vào cuộc mạnh mẽ trong lĩnh vực giáo dục để giảm sự chênh lệch trong phát triển giáo dục, kinh tế giữa vùng dân tộc thiểu số với vùng phát triển.

Bốn là, rủi ro khí hậu và mức độ dễ tổn thương cao. Với địa hình vùng dân tộc thiểu số chủ yếu là đồi núi, sườn dốc, hoặc thuộc những vùng thấp (vùng Tây Nam bộ)... và xa trung tâm, nhiều vùng dân tộc thiểu số đang phải đối mặt với nguy cơ thiên tai ngày càng nghiêm trọng do biến đổi khí hậu, như: lũ quét, sạt lở đất, hạn hán kéo dài hoặc bị nước mặn xâm nhập dẫn đến hạn mặn, ngập mặn. Người dân nơi đây có rất ít lựa chọn sinh kế, vốn tích lũy mỏng và ít có mạng lưới an sinh vì mô như bảo hiểm rủi ro hay tín dụng an toàn. Sự thiếu vắng các công cụ bảo vệ khiến đồng bào dễ rơi vào vòng xoáy tái nghèo, đặc biệt khi thiên tai xảy ra ngày một thường xuyên và bất thường hơn.

2.2. Thực trạng tham gia vào lĩnh vực kinh tế

Trong những năm gần đây, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng dân tộc thiểu số đã ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực. Đồng bào dân tộc thiểu số không chỉ tiếp tục đóng vai trò trụ cột trong sản xuất nông nghiệp mà còn từng bước mở rộng sự hiện diện trong các lĩnh vực phi nông nghiệp như du lịch cộng đồng, kinh tế số và kinh tế tuần hoàn. Tuy nhiên, mức độ tham gia này vẫn còn nhiều hạn chế về chiều sâu, năng lực nội tại và tính bền vững, do ảnh hưởng bởi những rào cản thể chế, kỹ năng và điều kiện hạ tầng. Sự hạn chế này, thể hiện ở những yếu tố cụ thể:

Một là, lĩnh vực nông nghiệp hiện còn thiếu tính đột phá. Nông nghiệp vẫn là lĩnh vực chiếm tỷ trọng lao động dân tộc thiểu số cao nhất, với khoảng 73% lực lượng lao động làm việc trong ngành nông – lâm – ngư (Ven.congthuong.vn, 2024)⁹. Tuy nhiên, phần lớn lao động trong khu vực này vẫn mang tính tự cung tự cấp, trình độ kỹ thuật thấp, ít được đào tạo bài bản và dễ bị tổn thương trước các biến động khí hậu và giá nông sản. Dù có những mô hình ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao mang lại kết quả tích cực, song tỷ lệ nghèo đa chiều vẫn còn ở mức cao (33,25%), cho thấy hiệu quả lan tỏa còn khiêm tốn. Nguyên nhân chủ yếu đến từ thiếu vốn đầu tư, trình độ kỹ thuật canh tác thấp và khó tiếp cận thị trường đầu ra ổn định.

Hai là, du lịch cộng đồng, hướng đi nổi bật trong đa dạng sinh kế thu hút nhiều lực lượng lao động, nhưng đang phải đối mặt với những thách thức về quản lý chất lượng, bảo tồn văn hóa và sự thiếu hụt nguồn nhân lực được đào tạo bài bản. Đây là lĩnh vực tiềm năng mà cộng đồng bản địa không chỉ đóng vai trò thụ hưởng mà còn trực tiếp làm chủ nguồn lực, tham gia vận hành và cung cấp dịch vụ. Đặc biệt, du lịch cộng đồng trở thành minh chứng sinh động cho

mô hình phát triển kinh tế gắn với bảo tồn bản sắc văn hóa, đồng thời góp phần thay đổi diện mạo kinh tế – xã hội ở nhiều địa phương vùng cao.

Sự phát triển nhanh chóng của du lịch cộng đồng ở vùng dân tộc thiểu số cũng đặt ra nhiều thách thức lớn. Trước hết là vấn đề quản lý chất lượng và bảo tồn văn hóa. Khi lượng khách tăng mạnh nhưng năng lực phục vụ chưa theo kịp, nguy cơ mai một giá trị văn hóa bản địa do thương mại hóa hoặc trình diễn sai lệch có thể xảy ra. Bên cạnh đó, tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực được đào tạo bài bản vẫn còn phổ biến: người dân địa phương phần lớn chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng về giao tiếp, quản lý dịch vụ, quảng bá hình ảnh, hay tham gia chuỗi giá trị du lịch chuyên nghiệp. Dù các cơ sở lưu trú, dịch vụ gia tăng về số lượng, nhưng phần lớn vẫn ở quy mô nhỏ lẻ, thiếu các hợp tác xã vừa và lớn làm đầu mối kết nối thị trường. Điều này khiến du lịch cộng đồng vùng dân tộc thiểu số còn yếu về năng lực cạnh tranh, đặc biệt là khi hướng tới khách hàng quốc tế và thị trường du lịch có tiêu chuẩn cao.

Ba là, kinh tế số – tiềm năng lớn nhưng phụ thuộc vào hạ tầng và kỹ năng.

Sự phát triển của kinh tế số đang mở ra một cơ hội đột phá cho các nhóm yếu thế, đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số. Thông qua dự án 4M của UNDP (2023), hơn 13.000 phụ nữ dân tộc thiểu số đã tiếp cận thương mại điện tử, với doanh thu tăng ít nhất 30%, góp phần nâng cao quyền năng kinh tế và khả năng tự chủ. Khoảng 100 hợp tác xã dân tộc thiểu số duy trì hoạt động ổn định, doanh thu tăng trên 20%/năm (UNDP, 2023)⁹. Nhiều nơi tại vùng dân tộc thiểu số, tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số chiếm tỷ trọng cao trong nhóm chuyển đổi số cấp xã, nhiều người đã biết bán hàng qua livestream và tích hợp sản phẩm vào các chương trình OCOP ... Tuy vậy, hạ tầng số chưa đồng bộ, kết nối Internet yếu, thiếu thiết bị thông minh và năng lực số cơ bản của đồng bào dân tộc thiểu số hạn chế là các rào cản lớn. Việc thiếu dịch vụ hậu cần và hỗ trợ kỹ thuật cũng khiến người dân khó mở rộng quy mô hoặc duy trì hoạt động dài hạn.

Bốn là, kinh tế tuần hoàn – xu hướng mới, còn phân tán và nhỏ lẻ. Một số mô hình kinh tế tuần hoàn đã được triển khai ở các tỉnh miền núi, như Điện Biên và Sơn La, hướng tới kết hợp sinh kế với bảo vệ môi trường và gìn giữ văn hóa. Tuy nhiên, các mô hình này vẫn gặp nhiều rào cản: thiếu vốn đầu tư ban đầu, thiếu tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc, khó tiếp cận thị trường cao cấp. Việc lan tỏa mô hình kinh tế tuần hoàn đòi hỏi sự hỗ trợ chính sách cụ thể, đào tạo kỹ thuật chuyên sâu và tích hợp tốt vào các chương trình OCOP, du lịch và giáo dục cộng đồng.

3. Cơ hội và thách thức đối với phát triển kinh tế bền vững vùng dân tộc thiểu số hiện nay

3.1. Những cơ hội

(1) Cơ hội từ chính sách dân tộc và Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế – xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030.

Đây là chương trình đầu tư công có quy mô lớn và toàn diện nhất từ trước đến nay trong lĩnh vực dân tộc. Riêng giai đoạn I (2021–2025), tổng vốn bố trí cho *Chương trình Mục tiêu quốc gia* đã lên tới hơn 137.665 tỷ đồng, nhằm đạt các mục tiêu cụ thể như tăng gấp đôi thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số vào năm 2030, nâng tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới lên 99% và tỷ lệ hộ tiếp cận nước sạch đạt 90% (Ủy ban Dân tộc, 2023)¹⁰. Ngoài ra, chương trình còn

ưu tiên đầu tư hạ tầng thiết yếu, hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu, sinh kế bền vững và nâng cao năng lực cho người dân, tạo điều kiện căn bản để các cộng đồng dân tộc thiểu số tham gia sâu hơn vào nền kinh tế.

(2) Cơ hội từ xu hướng chuyển đổi xanh và phát triển kinh tế tuần hoàn

Theo Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia (Bộ KH&ĐT, 2023)¹¹, các địa phương vùng dân tộc thiểu số được coi là không gian thử nghiệm cho nông nghiệp hữu cơ, mô hình năng lượng tái tạo quy mô nhỏ và chuỗi giá trị nông nghiệp tuần hoàn. Các tài liệu báo cáo của chính quyền tỉnh Kon Tum (cũ) và một số hợp tác xã cho thấy, nhiều dự án nông nghiệp ứng dụng khoa học kỹ thuật, mô hình hữu cơ, liên kết chuỗi giá trị... đã mang lại hiệu quả khả quan, như tăng năng suất, cải thiện lợi nhuận, giảm chi phí phân bón hóa học và sử dụng biện pháp sinh học. Những mô hình này không chỉ góp phần giảm phát thải mà còn mở ra hướng đi mới cho sản xuất nông nghiệp gắn với bảo tồn tài nguyên và tri thức bản địa.

(3) Cơ hội từ phát triển du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng

Các điểm đến có tài nguyên thiên nhiên và văn hóa đặc sắc như Hoàng Su Phì (Tuyên Quang), Mộc Châu (Sơn La), Măng Đen (Quảng Ngãi) đang ngày càng thu hút du khách tìm kiếm trải nghiệm du lịch bền vững và có trách nhiệm. Theo Tổng cục Du lịch năm 2024, thu nhập của các hộ làm du lịch cộng đồng đã tăng trung bình 2,2 lần trong giai đoạn 2019 – 2024. Đáng chú ý, các mô hình homestay do phụ nữ dân tộc thiểu số điều hành và làng nghề truyền thống không chỉ tạo sinh kế ổn định mà còn đóng vai trò quan trọng trong gìn giữ văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số.

(4) Cơ hội từ phát triển kinh tế số và chuyển đổi số

Sự phát triển của hạ tầng viễn thông và các nền tảng công nghệ số đã mở rộng khả năng tiếp cận thương mại điện tử, tài chính số và giáo dục trực tuyến cho người dân tộc thiểu số. Tính đến năm 2024, đã có khoảng 2.400 xã vùng dân tộc thiểu số được phủ sóng 4G; 36% hộ gia đình có thành viên sở hữu kỹ năng số cơ bản (Bộ TT&TT, 2024)¹². Các hộ nông dân đã có thể trực tiếp bán sản phẩm nông nghiệp qua các nền tảng như Postmart, Voso, giúp giảm khâu trung gian, nâng cao thu nhập và từng bước xây dựng thương hiệu cho sản phẩm địa phương.

(5) Cơ hội từ hợp tác quốc tế và các chương trình tài trợ phát triển

Việt Nam hiện là đối tác chiến lược trong nhiều chương trình phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số do các tổ chức quốc tế tài trợ, như: UNDP- SDC – CEMA (2021 – 2025), WB – IFAD (2023) hay Quỹ Môi trường toàn cầu GEF (2024). Các chương trình này tập trung hỗ trợ tài chính vi mô, phát triển chuỗi giá trị nông sản, đầu tư hạ tầng cơ bản, bảo vệ rừng thiêng và nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số. Đây là nguồn lực bổ sung quan trọng, giúp vùng dân tộc thiểu số tiếp cận mô hình phát triển hài hòa giữa kinh tế – văn hóa – môi trường.

3.2. Những thách thức

Mặc dù đang thụ hưởng nhiều cơ hội phát triển từ chính sách ưu tiên trong nước và xu hướng chuyển đổi toàn cầu (chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, du lịch sinh thái), vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức mang tính chất hệ thống, đan xen giữa yếu

tổ tự nhiên – xã hội – thể chế. Những thách thức này không chỉ làm chậm lại quá trình phát triển kinh tế, mà còn cản trở khả năng chuyển dịch sang mô hình phát triển bền vững, bao trùm và công bằng. Các thách thức, như: điều kiện địa hình – sinh thái và rủi ro khí hậu; khó khăn trong tiếp cận tín dụng, vốn và thị trường; bất bình đẳng cơ hội và khoảng cách giới trong phát triển; khoảng cách số và rào cản trong chuyển đổi số; hạ tầng và dịch vụ cơ bản còn yếu kém, thiếu đồng đều.

Những thách thức đối với phát triển kinh tế bền vững vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay không chỉ là hệ quả của điều kiện tự nhiên bất lợi, mà còn phản ánh những giới hạn về năng lực nội sinh, bất bình đẳng giới và độ trễ trong tiếp cận công nghệ – thông tin. Chúng không tồn tại biệt lập mà có mối quan hệ tương tác, tạo thành chuỗi trở ngại phức hợp, đòi hỏi cách tiếp cận tổng thể, đa ngành, có sự tham gia của cả Nhà nước, cộng đồng địa phương, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. Chỉ khi giải quyết được những thách thức này một cách căn cơ và tích hợp, vùng dân tộc thiểu số mới có thể chuyển dịch sang con đường phát triển kinh tế bền vững, bao trùm và công bằng hơn trong tương lai.

4. Giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam

Phát triển kinh tế bền vững vùng dân tộc thiểu số cần được định hình như một quá trình chuyển đổi toàn diện, lấy con người làm trung tâm, tôn trọng sự đa dạng văn hóa – sinh thái và bảo đảm công bằng xã hội. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và những thách thức kép từ biến đổi khí hậu và chuyển đổi số, định hướng phát triển kinh tế vùng dân tộc thiểu số phải dựa trên các nguyên tắc đa chiều, liên ngành, tích hợp và bền vững về lâu dài. Theo đó, cần thực hiện những giải pháp cụ thể, không chỉ tập trung vào phát triển kinh tế đơn thuần mà còn hướng tới bảo tồn bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường và thúc đẩy công bằng xã hội – những trụ cột thiết yếu của phát triển bền vững.

Thứ nhất, nâng cao năng lực cộng đồng – nền tảng cho phát triển kinh tế bền vững vùng dân tộc thiểu số.

Phát triển năng lực cộng đồng không chỉ là một giải pháp hỗ trợ, mà chính là nền tảng cốt lõi để đảm bảo tính bền vững của các mô hình kinh tế tại vùng dân tộc thiểu số. Việc đầu tư có hệ thống vào con người – đặc biệt là kiến thức, kỹ năng và năng lực tổ chức – sẽ tạo ra tác động lan tỏa lâu dài, giúp cộng đồng dân tộc thiểu số chủ động tham gia và làm chủ tiến trình phát triển.

Cần thiết kế các chương trình đào tạo đa chiều, thực tiễn và linh hoạt, tập trung vào các kỹ năng then chốt, như: tổ chức sản xuất, tiếp cận thị trường, sử dụng công nghệ số và thích ứng với biến đổi khí hậu. Nội dung đào tạo cần được địa phương hóa, tôn trọng ngôn ngữ, văn hóa và lối sống bản địa nhằm tăng tính tiếp cận và hiệu quả tiếp thu. Đồng thời, các lớp đào tạo cần đi kèm hoạt động thực hành, huấn luyện tại chỗ và hỗ trợ sau đào tạo để đảm bảo tính ứng dụng cao.

Cần nâng cao hiệu quả của các thiết chế học tập cộng đồng, như trung tâm học tập tại xã, lớp dạy nghề lưu động hoặc các mô hình “học đi đôi với hành” gắn với thể mạnh bản địa. Đây là nơi không chỉ cung cấp kiến thức nghề nghiệp mà còn nuôi dưỡng tinh thần khởi nghiệp, sáng tạo, thúc đẩy phát triển kinh tế dựa trên tài nguyên bản địa như cây dược liệu, nghề dệt

truyền thống, hay dịch vụ du lịch sinh thái – văn hóa. Bên cạnh đó, cần chú trọng nâng cao vai trò chủ thể của phụ nữ và thanh niên dân tộc thiểu số trong quá trình phát triển kinh tế. Việc tăng cường sự tham gia của họ vào quá trình ra quyết định trong gia đình, cộng đồng và các tổ chức chính trị – xã hội là điều kiện quan trọng để bảo đảm sự bao trùm và công bằng giới. Cần xây dựng các cơ chế hỗ trợ đặc thù về kỹ thuật, vốn khởi sự kinh doanh, kết nối thị trường và truyền thông thay đổi nhận thức nhằm tạo điều kiện cho nhóm này phát huy năng lực.

Phát triển mạng lưới học tập cộng đồng và mạng lưới sản xuất – chia sẻ tri thức bản địa chính là chìa khóa để gia tăng nội lực, tăng cường tính liên kết và khả năng thích ứng của cộng đồng. Các mạng lưới này không chỉ giúp phổ biến kinh nghiệm sản xuất bền vững, mà còn tạo nền tảng cho việc hình thành các nhóm hợp tác, liên kết chuỗi giá trị và lan tỏa đổi mới sáng tạo ngay trong nội bộ cộng đồng dân tộc thiểu số.

Thứ hai, tăng cường liên kết ngành và liên vùng, mở rộng không gian phát triển kinh tế vùng dân tộc thiểu số.

Phát triển kinh tế vùng dân tộc thiểu số chỉ có thể đạt được tính bền vững khi được đặt trong một hệ sinh thái liên kết chặt chẽ, vừa trong nội bộ vùng, vừa giữa các vùng với nhau và với các trung tâm kinh tế lớn. Việc thiết lập cơ chế liên kết ngành – liên vùng hiệu quả sẽ mở rộng không gian phát triển, tăng khả năng hội nhập và phát huy được tiềm năng đặc thù của từng địa phương.

Cần xây dựng và phát triển các chuỗi giá trị đặc trưng gắn với sản phẩm chủ lực của vùng dân tộc thiểu số, như: nông sản địa phương, sản phẩm thủ công mỹ nghệ, cây dược liệu quý, dịch vụ du lịch sinh thái – văn hóa. Mỗi chuỗi giá trị phải được thiết kế với tư duy tích hợp đa ngành, gắn kết giữa sản xuất – chế biến – tiêu thụ – quảng bá thương hiệu, nhằm tạo hiệu ứng lan tỏa, nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường khu vực và quốc tế.

Thúc đẩy mô hình liên kết “bốn nhà” (Nhà nước – Nhà khoa học – Doanh nghiệp – Nông dân) cần được cụ thể hóa thông qua các chương trình, dự án phát triển vùng có sự tham gia đầy đủ và thực chất của các bên liên quan. Trong đó, vai trò điều phối của chính quyền địa phương, năng lực dẫn dắt thị trường của doanh nghiệp, tri thức kỹ thuật của giới khoa học, cùng sự chủ động tham gia của người dân sẽ tạo thành nền tảng vững chắc cho một cơ chế hợp tác hiệu quả và bình đẳng. Bên cạnh đó, phát triển hạ tầng cứng và hạ tầng mềm là điều kiện thiết yếu để kết nối vùng dân tộc thiểu số với các trung tâm kinh tế – thương mại lớn. Cần ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông (đường bộ, cầu, cảng), hệ thống logistics, hạ tầng số và các nền tảng thương mại điện tử nhằm mở rộng không gian thị trường, rút ngắn khoảng cách địa lý, giảm chi phí giao dịch và nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân và doanh nghiệp vùng dân tộc thiểu số. Một trụ cột quan trọng khác là xây dựng và nâng cao năng lực cho các hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động theo mô hình liên vùng. Những đơn vị này cần được hỗ trợ chuyên môn, kỹ năng quản trị, tiếp cận vốn và thị trường để phát triển theo hướng chuyên nghiệp hóa, minh bạch và dân chủ, đóng vai trò là đầu mối liên kết giữa người sản xuất nhỏ với chuỗi cung ứng lớn, từ đó thúc đẩy sự lan tỏa và phát triển bền vững toàn vùng.

Thứ ba, phát triển kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn, gìn giữ bền vững nguồn lực địa phương.

Phát triển kinh tế vùng dân tộc thiểu số không thể tiếp tục theo mô hình tăng trưởng dựa vào khai thác cạn kiệt tài nguyên hoặc làm tổn thương môi trường và văn hóa. Trong bối cảnh khủng hoảng khí hậu và suy giảm đa dạng sinh học hiện nay, việc thúc đẩy mô hình kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn không chỉ là xu thế tất yếu mà còn là lựa chọn chiến lược để bảo vệ tài nguyên bản địa, nền tảng sống còn cho sinh kế và bản sắc của đồng bào dân tộc thiểu số.

Đầu tiên, cần ưu tiên phát triển các mô hình sản xuất thân thiện với môi trường dựa trên nguyên tắc tái tạo và khép kín, như nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, chăn nuôi thảo dược, hay mô hình VAC (vườn – ao – chuồng) cải tiến. Những mô hình này không chỉ giúp giảm thiểu phát thải khí nhà kính, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp và nước thải sinh hoạt mà còn tạo ra sản phẩm sạch có giá trị kinh tế cao, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng và tăng tính chống chịu trước biến đổi khí hậu. Song song với bảo vệ môi trường sinh thái, việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa bản địa cần được tích hợp sâu trong các mô hình kinh tế cộng đồng. Tri thức dân gian, tập quán canh tác truyền thống, ẩm thực, nghệ thuật và lễ hội dân tộc có thể trở thành nguồn lực quan trọng cho phát triển du lịch cộng đồng một cách bền vững, nơi người dân không chỉ là chủ thể của hoạt động sản xuất mà còn là người gìn giữ và làm sống động di sản văn hóa của chính họ.

Ngoài ra, phát triển sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ vật liệu tái tạo và thân thiện với môi trường như mây tre đan, sợi tự nhiên, vải lanh truyền thống... sẽ vừa góp phần bảo vệ môi trường vừa nâng cao thu nhập. Việc hỗ trợ xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và tiêu chuẩn sản phẩm không chỉ giúp nâng cao giá trị thương mại mà còn khẳng định bản sắc vùng miền, thúc đẩy sức cạnh tranh trong thị trường quốc gia và quốc tế. Sau đó, giáo dục và truyền thông về phát triển bền vững, tiêu dùng xanh và bảo vệ môi trường cần được đưa vào chương trình hoạt động thường xuyên của cộng đồng, đặc biệt là trong hệ thống trường học, trung tâm học tập cộng đồng tại vùng dân tộc thiểu số. Thay đổi hành vi tiêu dùng, nâng cao ý thức giữ gìn môi trường sống và tài nguyên bản địa là chìa khóa để kinh tế xanh thực sự bám rễ và lan tỏa trong cộng đồng.

Thứ tư, đổi mới tiếp cận quản trị tài nguyên – môi trường, hướng tới công bằng sinh thái và bền vững nội sinh.

Trong bối cảnh vùng dân tộc thiểu số đang chịu tác động nặng nề của biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên thiên nhiên và gia tăng xung đột lợi ích trong sử dụng đất đai, rừng và nước, việc quản trị tài nguyên – môi trường cần được tái cấu trúc theo hướng bền vững, công bằng và có sự tham gia thực chất của cộng đồng. Chuyển từ mô hình quản lý hành chính tập trung sang mô hình quản trị cộng đồng là yêu cầu cấp thiết nhằm bảo vệ nguồn sống lâu dài cho người dân tộc thiểu số và giữ gìn cân bằng sinh thái vùng cao.

Thế chế hóa mô hình quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng (CBNRM), trong đó, người dân địa phương được trao quyền thực sự trong giám sát, bảo vệ và khai thác rừng, đất, nguồn nước, cũng như trong quản lý đa dạng sinh học. Việc trao quyền cần gắn liền với trách nhiệm, đồng thời tôn trọng và phát huy tri thức bản địa trong bảo vệ tự nhiên và ứng phó với biến đổi khí hậu một cách hài hòa, hiệu quả.

Lồng ghép yếu tố sinh thái – văn hóa trong quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội vùng dân tộc thiểu số, không chạy theo phát triển bằng mọi giá. Điều này bao gồm việc bảo vệ đất rừng,

ngăn chặn việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất thiếu căn cứ khoa học; đồng thời, duy trì không gian sinh thái phục vụ sinh kế truyền thống của người dân như làm nương rẫy, chăn thả du mục, khai thác lâm sản. Quy hoạch phải mang tính tích hợp, thích ứng và tôn trọng đặc thù văn hóa – sinh thái của từng cộng đồng dân tộc thiểu số.

Thiết lập cơ chế giám sát và đánh giá tác động môi trường có sự tham gia đầy đủ của cộng đồng. Người dân không chỉ là đối tượng bị ảnh hưởng mà phải trở thành chủ thể trong việc giám sát các dự án kinh tế – kỹ thuật, nhằm phát hiện sớm rủi ro, minh bạch hóa thông tin và tăng khả năng phản ứng chính sách tại chỗ. Cơ chế này sẽ tạo nền tảng cho công bằng sinh thái – một khái niệm đòi hỏi sự chia sẻ hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các nhóm xã hội, giữa hiện tại và tương lai.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ xanh, thân thiện môi trường trong sản xuất và đời sống thường nhật là yếu tố then chốt giúp người dân tộc thiểu số từng bước chuyển đổi mô hình sống bền vững. Cần có các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, vốn vay ưu đãi và khuyến khích doanh nghiệp địa phương đầu tư vào đổi mới công nghệ nhằm giảm khai thác tài nguyên thô, tiết kiệm năng lượng, tái sử dụng và giảm phát thải – góp phần tạo ra một nền kinh tế sinh thái phù hợp với điều kiện vùng cao.

5. Kết luận:

Phát triển kinh tế bền vững vùng dân tộc thiểu số là một mục tiêu cấp thiết, vừa tận dụng được tiềm năng kinh tế – văn hóa đa dạng, vừa bảo vệ môi trường sinh thái đặc thù của vùng. Vùng dân tộc thiểu số đang đứng trước nhiều cơ hội thuận lợi như chính sách dân tộc ngày càng hoàn thiện, nhiều chương trình mục tiêu quốc gia, xu hướng phát triển du lịch sinh thái và chuyển đổi số, cũng như việc thúc đẩy kinh tế xanh và tuần hoàn. Để tận dụng cơ hội và vượt qua thách thức, cần có một khung giải pháp mang tính hệ thống, tập trung vào nâng cao năng lực cộng đồng, tăng cường liên kết ngành và liên vùng, phát triển kinh tế xanh gắn với bảo tồn văn hóa truyền thống và đổi mới quản trị tài nguyên – môi trường dựa trên sự tham gia chủ động của đồng bào dân tộc thiểu số. Chỉ có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền, cộng đồng và các bên liên quan mới giúp xây dựng mô hình phát triển kinh tế bền vững, công bằng và bao trùm cho vùng dân tộc thiểu số, góp phần vào sự phát triển toàn diện của đất nước.

Chú thích:

- 1, 2, 3. Đời sống người dân vùng dân tộc thiểu số và miền núi không ngừng cải thiện. <https://baochinhphu.vn/doi-song-nguoi-dan-vung-dan-toc-thieu-so-va-mien-nui-khong-ngung-cai-thien-102241230092327057.htm>, ngày 30/12/2024.
4. World Bank (2022). *Sustainability and Inclusion in Vietnam's Ethnic Minority Regions*. Washington, DC: World Bank.
- 5, 6, 8, 9. UNDP (2023). *Dự án 4M: Thúc đẩy kinh tế số và kinh tế xanh cho phụ nữ dân tộc thiểu số tại Việt Nam*. Hà Nội. UNDP Việt Nam.
10. Ủy ban Dân tộc (2023). *Báo cáo kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2022 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2023*.
11. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023). *Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.

12. Bộ Thông tin và Truyền thông (2024). *Đẩy mạnh phủ sóng viễn thông, phổ cập Internet băng rộng đến vùng sâu, vùng xa*.

Tài liệu tham khảo

1. CIEM (2022). *Báo cáo nghiên cứu chuyên đề thị trường nông sản vùng cao năm 2022*.
2. Đặng Kim Sơn, Nguyễn Doãn Khánh, & Nguyễn Minh Phong (2011). *Phát triển toàn diện vùng dân tộc thiểu số: Cách tiếp cận từ sinh kế bền vững*. Hà Nội: CIEM.
3. Hall, G., & Patrinos, H. A. (2012). *Indigenous Peoples, Poverty, and Development*. Cambridge University Press.
4. ICE – Trung tâm Hỗ trợ Sáng kiến Phục vụ Cộng đồng (2024). *Vai trò phụ nữ dân tộc thiểu số trong phát triển du lịch cộng đồng bền vững*.
5. IFAD & World Bank (2022). *Báo cáo đồng phát hành của IFAD và World Bank*.
6. Loan, T. T., & Tung, D. T. (2022). *Chiến lược thích ứng sinh kế của người Khmer ứng phó với biến đổi khí hậu tại đồng bằng sông Cửu Long*. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ số 1, tr. 45 – 56.
7. Nguyễn Anh Thư, Phạm Văn Hùng, Trần Thị Minh (2022). *Hiệu quả sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc*. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
8. Nguyễn Thị Diệu, Trần Văn Lâm, Bùi Quang Huy (2024). *Các yếu tố thúc đẩy phát triển du lịch bền vững tại Tây Nguyên*. Tạp chí Du lịch và Phát triển, (9), tr. 20 – 28.
9. Nguyễn Văn Sửu (2005). *Tái định cư, sinh kế và người dân tộc thiểu số: Trường hợp lòng hồ thủy điện Sơn La*. Tạp chí Dân tộc học, (3), tr.15 – 29.
10. UNDP và Ủy ban Dân tộc (2015). *Báo cáo nghèo đa chiều dân tộc thiểu số tại Việt Nam năm 2014*. Hà Nội: UNDP.
11. UNDP và Ủy ban Dân tộc (2019). *Báo cáo nghèo đa chiều dân tộc thiểu số tại Việt Nam giai đoạn 2015 – 2019*. Hà Nội: UNDP.
12. UN Women (2023). *Tăng cường quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số thông qua du lịch cộng đồng*. Hà Nội: UN Women.
13. Ủy ban Dân tộc (2025). *Báo cáo kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2024 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2025*.
14. Vu, V. A., & Nguyen, P. L. (2025). *Ethnic Minority Poverty and Human Capital in Vietnam's Borderlands: Case Study in Former Ha Giang Province*. Vietnam Social Sciences Review, 33(2), pp. 60-77.
15. World Bank. (2007). *Development with Identity: Community, Culture and Sustainability in the Americas*. Washington, DC: World Bank.